

Số: 37/2026/QĐST-HNGĐ

Thái Nguyên, ngày 30 tháng 3 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 36/2026/TLST-HNGĐ ngày 13/3/2026 về việc “Ly hôn, nuôi con chung” giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Đậu Thị L** - sinh năm 1990;

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Minh Đ** - sinh năm 1990;

Đều có cùng địa chỉ: **Tổ A, phường Đ, tỉnh Thái Nguyên**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 3 năm 2026.

**XÉT THẤY**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 3 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị **Đậu Thị L** và anh **Nguyễn Minh Đ**

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

\* **Về quan hệ hôn nhân:** Chị **Đậu Thị L** và anh **Nguyễn Minh Đ** thuận tình ly hôn.

\* **Về con chung:** Chị **Đậu Thị L** và anh **Nguyễn Minh Đ** có 01 con chung là cháu **Nguyễn Huy A**, sinh ngày 17/8/2014. Hiện nay con chung khỏe mạnh và phát triển bình thường. Sau khi ly hôn, chị **Đậu Thị L** có nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu **Nguyễn Huy A** kể từ ngày Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

\* **Về cấp dưỡng nuôi con chung:** Chị **Đậu Thị L** không yêu cầu anh **Nguyễn Minh Đ** cấp dưỡng nuôi con chung.

\* **Về tài sản chung, nợ chung:** Không có.

\* **Về án phí:** Chị **Đậu Thị L** tự nguyện chịu 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị **L** đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số: 0000975 ngày 13 tháng 3 năm 2026 của cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên. Trả lại cho chị **Đậu Thị L** số tiền 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Viện kiểm sát nhân dân KV6 - TN;
- UBND phường Đức Xuân, tỉnh TN (Nơi ĐKKH);
- THADS tỉnh TN (qua Phòng THADS khu vực 6 – TN);
- Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên (kèm BBHGT);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Lường Thị Thu Hòa**

